

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện tại: Ấp Đ, xã P1, huyện P2, tỉnh Bình Dương

- *Bị đơn:* Ông Phan Hoàng E, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và Ông Phan Hoàng E tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, ỏ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 06/5/2008. Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã do Ông E thường xuyên đi ăn nhậu, đánh bài, ngoại tình. Mặc dù Bà T đã cam chịu sống chung vì con có gia đình trọn vẹn nhưng Ông E không hề thay đổi mà vẫn chứng nào tật đấy. Nay Bà T không thể tiếp tục chịu đựng thêm được nữa nên đã bỏ nhà đi ở trọ và làm công ty tại Bình Dương từ tháng 05/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nay Bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ông Phan Hoàng E.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, Bà

T và Ông E có 03 người con chung là Cháu Phan Kim T1, sinh ngày 09/11/2005; cháu Phan Kim M, sinh ngày 19/06/2008; cháu Phan Kim L1, sinh ngày 26/6/2014; cùng HKTT: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện các cháu đang sống với Bà T tại địa chỉ: Ấp Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Khi ly hôn, Bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu Ông E cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Hoàng Em trình bày: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Phan Hoàng E đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng Ông E vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn Ông Phan Hoàng E có nơi đăng ký thường trú tại thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và Ông E tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 06/5/2008. Xét thấy hôn nhân giữa Bà T và Ông E là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa Bà T và Ông E là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của Bà T và kết quả xác minh tại địa phương thì xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu

thuần, dẫn đến cãi vã nhau, nguyên nhân là do Ông E thường xuyên đi ăn nhậu, chơi bời không lo cho gia đình nên Bà T đã bỏ đi Bình Dương sinh sống và làm việc. Hiện tại, hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn 01 năm nay.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cả Bà T và Ông E đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, Bà T và Ông E có 03 người con chung là cháu Phan Kim T1, sinh ngày 09/11/2005; cháu Phan Kim M, sinh ngày 19/06/2008; cháu Phan Kim L1, sinh ngày 26/6/2014; cùng HKTT: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện các cháu đang sống với Bà T tại địa chỉ: Ấp Đ, xã P1, huyện P2, tỉnh Bình Dương.

Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện tại các cháu T1, M, L1 đều đang sống chung với Bà T và đều mong muốn được tiếp tục sống cùng Bà T. Bà T cũng có nguyện vọng được nuôi các con. Căn cứ Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung, cần giao các con chung cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, do đó yêu cầu của Bà T về phần này được chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với Ông Phan Hoàng E.

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị T và Ông Phan Hoàng E chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao các con chung của Bà T và Ông E gồm cháu Phan Kim T1, sinh ngày 09/11/2005; cháu Phan Kim M, sinh ngày 19/06/2008; cháu Phan Kim L1, sinh ngày 26/6/2014 cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Việc cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết Bà Nguyễn Thị T và Ông Phan Hoàng E có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015624, ngày 10/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

